TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19 /2019/KDTM-ST
Ngày: 03/10/2019
V/v: "Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Vòng

2. Bà Đặng Thị Thu

- Thư ký phiên toà: Ông Dương Đức Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Trong ngày 03 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2019/TLST-KDTM ngày 11 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2019/QĐXXST-KDTM ngày 11 tháng 7 năm 2019; Quyết định hoãn phiên toà số 58/2019/QĐST-KDTM ngày 09/8/2019; Quyết định hoãn phiên toà số 73/2019/QĐST-KDTM ngày 09/9/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần E; Địa chỉ: Lô 15, Khu công nghiệp M, thị trấn M – huyện L, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Cảnh H– Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hoài L – Trưởng Showroom E tại Quảng Bình. Địa chỉ: Số 13A Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Bình (Giấy ủy quyền số 414/UQ-EW ngày 13/3/2019). Ông Lê Hoài L có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH P

Địa chỉ: Khu thương mại L, phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Hữu P– Giám đốc. Ông P vắng mặt lần thứ 3 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty cổ phần E trình bày:

Ngày 21/11/2016, Công ty Cổ phần E *(Sau đây gọi tắt là "Công ty E")* và Công ty TNHH P *(Sau đây gọi tắt là "Công ty P")* đã ký kết Theo Hợp đồng mua bán số 16108138/16100953/NR (*Sau đây gọi tắt là "Hợp đồng"*). Theo nội dung Hợp đồng, Công ty E sẽ bán các sản phẩm: cửa sổ, cửa đi, vách ngăn và thi công lắp đặt các sản phẩm này cho Công ty P. Tổng giá trị Hợp đồng là 423.842.322 đồng *(Bốn trăm hai mươi ba triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm hai mươi hai đồng)*. Việc thanh toán được hai bên thỏa thuận theo lịch trình như sau:

Đợt 1: Sau khi ký hợp đồng, Công ty P tạm ứng cho Công ty E 40% giá trị Hợp đồng, tương đương 170.000.000 đồng *(Một trăm bảy mươi triệu đồng)*;

Đợt 2: Khi đã giao đủ số lượng sản phẩm theo thỏa thuận, Công ty P thanh toán cho Công ty E 40% giá trị Hợp đồng, tương đương 170.000.000 đồng *(Một trăm bảy mươi triệu đồng)*;

Đợt 3: Thanh toán giá trị còn lại theo khối lượng thực tế theo biên bản nghiệm thu và thanh quyết toán công trình trong 10 ngày kể từ ngày hai bên hoàn thành việc nghiệm thu sản phẩm.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty E luôn thực hiện đúng nghĩa vụ của mình trong khi đó Công ty P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định trong hợp đồng, cụ thể:

Ngày 07/12/2016, Công ty P thanh toán 170.000.000 đồng *(Một trăm bảy mươi triệu đồng)* cho Công ty E;

Đến ngày 12/4/2017, Công ty E hoàn thành nghĩa vụ của mình và đại diện của hai bên đã có Biên bản quyết toán công trình. Theo văn bản này, hai bên thống nhất: nghiệm thu và chấp nhận thanh toán tổng giá trị Hợp đồng theo thực tế là 405.518.282 đồng *(Bốn trăm linh năm triệu năm trăm mười tám nghìn hai trăm tám hai đồng)*; và thống nhất số tiền Công ty P còn phải thanh toán cho Công ty E là 235.518.282 đồng *(Hai trăm ba mươi lăm triệu năm trăm mười tám nghìn hai trăm tám mươi hai đồng)*;

Ngày 19/7/2017, Công ty P mới chỉ thanh toán được số tiền 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)*. Kể từ đó cho đến nay, Công ty P vẫn chưa thanh toán cho Công ty E số tiền còn lại là 135.518.282 đồng *(Một trăm ba mươi lăm triệu năm trăm mười tám nghìn hai trăm tám mươi hai đồng)* cho Công ty E.

Mặc dù Công ty E đã nhiều lần gửi văn bản đôn đốc, nhắc nhở về việc thanh toán nhưng đến nay Công ty P vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ của mình. Việc không thanh toán tiền mua hàng của Công ty P đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ cam kết trong Hợp đồng gây ra những thiệt hại cho Công ty E.

Từ nội dung nêu trên, Nguyên đơn gửi đơn đến Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình đề nghị Tòa án tuyên buộc:

Công ty Pphải trả cho công ty E số tiền nợ gốc là: 135.518.282 đồng *(Một trăm ba mươi lăm triệu năm trăm mười tám nghìn hai trăm tám mươi hai đồng)*;

Công ty P phải thanh toán cho Công ty E khoản tiền lãi như sau: Căn cứ vào mức lãi chậm thanh toán theo thỏa thuận tại khoản 2.5 Điều 2 của Hợp đồng, đề nghị áp dụng mức phạt lãi chậm thanh toán là 18 % năm tương đương 0,05 %/ngày trên số tiền chậm thanh toán tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán đến ngày xét xử. Cụ thể:

Khoản tiền phạt lãi suất chậm thanh toán đối với khoản tiền 235.518.282 đồng từ ngày 22/4/2017 (sau 10 ngày kể từ ngày ký thanh quyết toán) đến ngày 18/7/2017 là: 0,05% x 235.518.282 đồng x 87 ngày = 10.245.045 đồng.

Khoản tiền phạt lãi suất chậm thanh toán đối với khoản tiền 135.518.282 đồng từ ngày 19/7/2017 đến ngày 03/10/2019 là: 0,05% x 135.518.282 đồng x 806 ngày = 54.613.868 đồng.

Tổng số tiền Công ty P phải thanh toán cho Công ty E cả gốc và lãi là: 200.377.195 đồng

* Ý kiến đại diện bị đơn:

Công ty TNHH P có ký kết Hợp đồng mua bán với Công ty E tổng số tiền còn nợ gốc là: 135.518.282 đồng. Công ty TNHH P thừa nhận nợ và cam kết trả nợ cho Công ty E tổng số tiền gốc là: 135.518.282 đồng. Tại phiên hòa giải ngày 11/6/2019, Công ty TNHH P đề nghị Công ty E cử cán bộ kỹ thuật vào Công ty TNHH P để khắc phục sự cố thấm, chảy nước tại một số cửa. Sau khi sự cố được khắc phục thì Công ty TNHH P cam kết sẽ chuyển trả hết số tiền nợ gốc còn lại cho Công ty E.

Đại diện nguyên đơn ông L trình bày: Đối với ý kiến của đại diện bị đơn tại phiên hòa giải, Công ty E luôn hỗ trợ khách hàng thực hiện đúng thỏa thuận tại phụ lục hợp đồng về chính sách bảo hành sản phẩm E. Công ty TNHH P có đề nghị như trên là để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ chứ thực tế hai bên đã ký biên bản quyết toán công trình. Do đó, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện như đã trình bày ở trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng mua bán hàng hóa "tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận" quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn có trụ sở tại thành phố Đồng Hới theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm

a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập, hòa giải nhưng các bên không thống nhất được nội dung tranh chấp. Vụ án thuộc trường hợp hòa giải không thành. Ngày 09/8/2019 Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2019/QĐXXST- KDTM ngày 11 tháng 7 năm 2019. Bị đơn Công ty P - Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Hữu P– Giám đốc vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nên HĐXX ra Quyết định hoãn phiên toà số 58/2019/QĐST-KDTM ngày 09/8/2019; Tại phiên tòa lần 2 do Nguyên đơn xin hoãn phiên tòa vì lý do trở ngại khách quan; Bị đơn Công ty Pc - Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Hữu P– Giám đốc đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vẫn vắng mặt nên Tòa án ra Quyết định hoãn phiên toà số 73/2019/QĐST-KDTM ngày 09/9/2019 và ấn định thời gian đưa vụ án ra xét xử vào ngày 03/10/2019 theo đúng quy định tại Điều 227, 233 Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng bị đơn Công ty P - Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Hữu P– Giám đốc vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần 3 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ; HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, phiên tòa vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Công ty P.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của Nguyên đơn thấy Ngày 21/11/2016, Công ty Cổ phần E và Công ty TNHH P đã ký kết Theo Hợp đồng mua bán số 16108138/16100953/NR trên cơ sở tự nguyện, tuân theo đúng quy định của pháp luật. Hợp đồng do người đại diện theo pháp luật của hai bên ký kết; về hình thức, nội dung hợp đồng tuân theo các quy định của Bộ luật dân sự và Luật Thương mại 2005. Các bên đều có đăng ký kinh doanh phù hợp, mặt hàng kinh doanh không bị cấm. Hợp đồng có hiệu lực đối với hai bên và đã thực hiện việc mua bán cửa các loại.

[2.1] Về tiền mua bán hàng hóa:

Đại diện bị đơn Công ty TNHH P thừa nhận có ký kết Hợp đồng mua bán số 16108138/16100953/NR với Công ty E tính đến thời điểm hiện tại tổng số tiền còn nợ gốc là: 135.518.282 đồng. Công ty TNHH P thừa nhận nợ và cam kết trả nợ cho Công ty E tổng số tiền gốc là: 135.518.282 đồng; Căn cứ vào biên bản quyết toán công trình ngày 12/4/2017 mà hai bên đã ký kết cũng như các giấy nhắc nợ và đề nghị thanh toán của Công ty Cổ phần E, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi khoản tiền này của nguyên đơn buộc Công ty P phải trả cho công ty E số tiền nợ gốc là: 135.518.282 đồng.

[2.2] Về yêu cầu của Nguyên đơn yêu cầu Công ty P phải thanh toán cho Công ty E khoản tiền lãi:

Theo thỏa thuận tại điểm a Mục 2.3 Điều 2 của Hợp đồng mua bán thì thanh toán trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hai bên hoàn thành việc nghiệm thu sản phẩm theo quy định tại khoản 4.2, Điều 4 của Hợp đồng. Tại mục 2.5 Điều 2 của Hợp đồng về xử lý chậm thanh toán nếu Công ty P không thanh toán

đủ và đúng hạn các khoản tiền ghi trong Hợp đồng thì Công ty P sẽ phải trả lãi chậm thanh toán với lãi suất là 18 % năm tương đương 0,05 %/ngày trên số tiền chậm thanh toán tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán đến ngày xét xử. Cụ thể:

Khoản tiền phạt lãi suất chậm thanh toán đối với khoản tiền 235.518.282 đồng từ ngày 22/4/2017 (sau 10 ngày kể từ ngày ký thanh quyết toán) đến ngày 18/7/2017 là: 0,05% x 235.518.282 đồng x 87 ngày = 10.245.045 đồng.

Khoản tiền phạt lãi suất chậm thanh toán đối với khoản tiền 135.518.282 đồng từ ngày 19/7/2017 đến ngày 03/10/2019 là: 0,05% x 135.518.282 đồng x 806 ngày = 54.613.868 đồng.

Do đó, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn đòi khoản tiền do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán, cần buộc Công ty P phải trả cho Công ty E khoản tiền phạt lãi suất chậm thanh toán đối với khoản tiền 235.518.282 đồng từ ngày 22/4/2017 (sau 10 ngày kể từ ngày ký thanh quyết toán) đến ngày 18/7/2017 là: 0,05% x 235.518.282 đồng x 87 ngày = 10.245.045 đồng và khoản tiền phạt lãi suất chậm thanh toán đối với khoản tiền 135.518.282 đồng từ ngày 19/7/2017 đến ngày 03/10/2019 là: 0,05% x 135.518.282 đồng x 806 ngày = 54.613.868 đồng.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty TNHH P phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 5% của giá trị tranh chấp: 5% x 200.377.000 đồng = 10.018.000 đồng.

Công ty E không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí 4.599.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0005234 ngày 11/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 , Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự (2015);

- Căn cứ các Điều 430, 440, , 468, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 4, 24, 50, 306 Luật Thương mại năm 2005;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần E.

1.1 Buộc Công ty TNHH P phải trả cho Công ty cổ phần E số tiền nợ gốc là: 135.518.282 đồng *(Một trăm ba mươi lăm triệu, năm trăm mười tám nghìn, hai trăm tám mươi hai đồng)*;

1.2 Buộc Công ty TNHH P phải thanh toán cho Công ty cổ phần E khoản tiền lãi như sau:

Khoản tiền phạt lãi suất chậm thanh toán đối với khoản tiền 235.518.282 đồng từ ngày 22/4/2017 đến ngày 18/7/2017 là: 0,05% x 235.518.282 đồng x 87 ngày = 10.245.045 đồng.

Khoản tiền phạt lãi suất chậm thanh toán đối với khoản tiền 135.518.282 đồng từ ngày 19/7/2017 đến ngày 03/10/2019 là: 0,05% x 135.518.282 đồng x 806 ngày = 54.613.868 đồng.

Tổng số tiền Công ty TNHH P phải thanh toán cho Công ty cổ phần E cả gốc và lãi là: 200.377.195 đồng (làm tròn 200.377.000 đồng – Hai trăm triệu, ba trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

Từ ngày 04/10/2019 cho đến khi trả hết nợ gốc, hàng tháng Công ty TNHH P còn phải chịu thêm khoản lãi chậm thanh toán trên số nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng mua bán số 16108138/16100953/NR ngày 21/11/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí sơ thẩm:

2.1. Buộc Công ty TNHH P phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là 10.018.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

2.2. Công ty cổ phần E không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí 4.599.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0005234 ngày 11/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (03/10/2019); bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP. Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP. Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thanh Hoa